

Bản án số: 63/2017/ HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 25/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2017/TLST- HNGĐ ngày 14/8/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXX-ST ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Đức L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2017 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị P trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Đức L vào ngày 08/3/2005. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay tại thôn G, xã M, thành phố B tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị phát sinh từ đầu năm 2013, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau về tính cách anh L hay đi chơi, không quan tâm đến gia đình dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không nghe, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau, hiện giữa chị và anh L đã sống ly thân nhau, trong thời gian này anh L cũng không đến động viên thăm hỏi gì chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn thương yêu nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Con chung của vợ chồng là: Đỗ Đức M, sinh ngày 09/3/2008. Chị là người đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phần cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng giữa chị và anh L, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2017 và những lời khai tiếp theo bị đơn là anh Đỗ Đức L trình bày:

Anh kết hôn với chị Hoàng Thị P vào ngày 08/3/2005, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố B. Sau khi kết hôn chung sống với nhau ngay tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, dẫn đến bất đồng về quan điểm hay xảy ra cãi vã nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn anh có khuyên bảo nhưng Chị P không nghe, hiện vợ chồng sống ly thân nhau không bên nào quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và Chị P không còn thương yêu nhau, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị P được ly hôn.

Con chung của vợ chồng là: Đỗ Đức M, sinh ngày 09/3/2008. Chị P là người đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn con chung có nguyện vọng sống chung với bố hoặc mẹ là quyền của con, phần cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L có đơn xin vắng mặt, nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L, con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 09/3/2008 chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, phân cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Đức L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về hôn nhân cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị P và anh Đỗ Đức L.
- Con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 09/3/2008 giao cho Chị P nuôi dưỡng, phân cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí chị Hoàng Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Đức L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng có đơn từ chối không đến Tòa án làm việc và đề nghị được xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Đỗ Đức L kết hôn với nhau ngày 08/3/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị P và anh L, do trong cuộc sống hai người không hợp tính cách của nhau nên hay xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Chị P và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không

còn thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, Chị P đề nghị được ly hôn anh L. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của Chị P.

[4] Về con chung là: Đỗ Đức M, sinh ngày 09/3/2008 Chị P là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng như việc học tập của con chung vẫn được đảm bảo, sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản ghi lời khai của con chung cháu Mạnh thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ Phương và không có yêu cầu gì khác, để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của con chung, cần giao con chung cho Chị P nuôi dưỡng là phù hợp. Phần cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung Chị P và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị P và anh Đỗ Đức L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 09/3/2008 cho chị Hoàng Thị P nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0001899 ngày 14/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt bản án của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- CCTHADS TP B;
- UBND xã M
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú